VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: https://js.vnu.edu.vn/LS

Original Article

Legal Compliance Costs and Regulatory Quality in Vietnam's Business Environment: A Case Study of Decree No. 46/2026/ND-CP

Phan Thi Thanh Thuy*

VNU, Vietnam Japan University, VNU Town, Hoa Lac, Ha Noi, Vietnam

Received 5th March 2026
Revised 25th May 2026; Accepted 25th June 2026

Abstract: In Vietnam, the term "legal compliance costs" is often simplistically understood as the expenses businesses must pay to complete administrative procedures. In reality, costs of legal compliance also arise from the design, enactment, and enforcement of laws. Furthermore, it serves as the most critical indicator for evaluating regulatory quality in business. This article explores the core components costs of legal compliance and clarifies the relationship between these costs and regulatory quality. By examining the case study of Decree No. 46/2026/ND-CP, which guides the implementation of the Law on Food Safety and was enacted and took effect on the exact same day, January 26, 2026, this paper highlights the unreasonable compliance costs businesses endure due to unstable regulatory quality. Consequently, the article proposes solutions to optimize costs of legal compliance and improve regulatory quality during the law-making process in Vietnam..

Keywords: Costs of Legal compliance, Regulatory quality, Food safety, Decree No. 46/2026/ND-CP.
.

* Corresponding author.
E-mail address: ptt.thuy@vju.ac.vn

https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4888

Chi phí tuân thủ pháp luật và chất lượng điều tiết kinh doanh ở Việt Nam: góc nhìn từ trường hợp nghị định 46/2026/NĐ-CP

Phan Thị Thanh Thủy*

Trường Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN, Khu Đô thị Đại học Quốc gia Hà Nội, Hòa Lạc, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 5 tháng 3 năm 2026
Chỉnh sửa ngày 25 tháng 5 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 6 năm 2026

Tóm tắt: Thuật ngữ chi phí tuân thủ pháp luật (TTPL) ở Việt Nam thường được hiểu một cách đơn giản là các chi phí mà doanh nghiệp phải chi trả để thực hiện các thủ tục hành chính. Trên thực tế, chi phí TTPL còn phát sinh từ quá trình thiết kế, ban hành và thực thi pháp luật. Nó cũng là chỉ báo quan trọng nhất để đánh giá chất lượng pháp luật điều tiết kinh doanh (chất lượng ĐTKD). Bài viết này phân tích các nội dung của chi phí TTPL, làm rõ mối quan hệ giữa chi phí TTPL với chất lượng ĐTKD. Từ phân tích trường hợp Nghị định 46/2026/NĐ-CP hướng dẫn thực thi Luật An toàn thực phẩm được ban hành và có hiệu lực cùng ngày 26 tháng 1 năm 2026, bài viết chỉ ra những bất hợp lý về chi phí TTPL mà doanh nghiệp phải gánh chịu do chất lượng ĐTKD không ổn định. Bài viết cũng đề xuất những giải pháp cải thiện chi phí TTPL và chất lượng ĐTKD ở Việt Nam trong xây dựng chính sách pháp luật.

Từ khóa: Chi phí tuân thủ pháp luật, Chất lượng điều tiết kinh doanh, An toàn thực phẩm, Nghị định 46/2026/NĐ-CP.

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, cải cách môi trường kinh doanh trong nhiều năm qua thường tập trung vào cắt giảm điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí không chính thức và tăng tính minh bạch [1]. Tuy nhiên, không chỉ đến từ thủ tục, các doanh nghiệp còn phải gánh chịu những chi phí tuân thủ pháp luật (*Legal compliance costs*) phát sinh từ chính quá trình thiết kế và thực thi quy định pháp luật.

Mới đây nhất, việc Nghị định số 46/NĐ-CP/2026 (NĐ 46) quy định chi tiết thi hành Luật An toàn thực phẩm được ban hành ngày 26/1/2026 và có hiệu lực cùng ngày, đã đặt cả cơ quan chức năng và doanh nghiệp vào tình huống không thể thực thi. Trước những kiến nghị mạnh mẽ đến từ các hiệp hội doanh nghiệp, truyền thông và xã hội, chỉ sau 10 ngày kể từ thời điểm ban hành, Chính phủ đã phải ban hành liên tiếp hai nghị quyết về việc tạm ngừng áp dụng NĐ 46 cho đến khi Luật An toàn thực phẩm 2010 được sửa đổi. Chưa kể đến tính khả thi của các quy định, sự gấp gáp về thời gian ban hành và có hiệu lực của nghị định đã đặt các cơ quan chức năng và doanh nghiệp vào trong tình trạng hoàn toàn bị động, không có đủ thời gian để thích ứng và tuân thủ. Hiện tượng NĐ 46 đã đặt ra những câu hỏi nghiêm túc cho các nhà thiết kế chính sách pháp luật, cơ quan quản lý nhà nước về tính hợp lý của các chi phí tuân thủ pháp luật (TTPL) mà các doanh nghiệp phải gánh chịu và chất lượng của quy định pháp luật điều tiết kinh doanh (chất lượng ĐTKD).

Bài viết này tập trung làm rõ về nội dung của chi phí TTPL, các tiêu chí đánh giá chất lượng

* Tác giả liên hệ.
Địa chỉ email: ptt.thuy@vju.ac.vn
https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4888

ĐTKD và mối quan hệ giữa hai thành tố này trong quản trị kinh tế công. Thông qua các phân tích, đánh giá về trường hợp NĐ 46, bài viết sẽ chỉ ra những chi phí TTPL bất hợp lý mà doanh nghiệp phải gánh chịu phát sinh từ những bất cập của văn bản pháp luật điều tiết kinh doanh khi quy trình xây dựng, ban hành và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chưa được thực hiện toàn diện, thấu đáo và thiếu sự khớp nối chặt chẽ. Từ những phân tích và đánh giá này, bài viết đưa ra những kiến nghị và đề xuất nhằm cải thiện cơ chế xây dựng và thực thi văn bản QPPL về ĐTKD để giảm chi phí TTPL cho doanh nghiệp và tăng chất lượng ĐTKD ở Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận về chi phí tuân thủ pháp luật và chất lượng điều tiết kinh doanh

2.1. Khái quát về chi phí tuân thủ pháp luật

Chi phí TTPL là một khái niệm liên ngành, bắt nguồn từ kinh tế học công và nghiên cứu về thuế, sau đó được phát triển trong lĩnh vực chính sách công mà trọng tâm là vai trò điều tiết kinh doanh của nhà nước. Từ những năm 1990 đến nay, khái niệm chi phí TTPL trở nên phổ biến không chỉ trong quản trị công mà còn được tích hợp vào quản trị kinh doanh như một thành tố then chốt trong chiến lược quản trị rủi ro pháp lý, rủi ro vận hành và rủi ro tài chính [2]. Từ năm 1935, khái niệm chi phí TTPL đã được Haig - nhà kinh tế học và chính sách công Hoa Kỳ- đề cập đến trong nghiên cứu "The Cost to Business Concerns of Compliance with Tax Laws" (Tạm dịch: Chi phí của các doanh nghiệp trong việc tuân thủ luật thuế) [3].

Năm 1989, trong cuốn sách "Administrative and Compliance Costs of Taxation" (Tạm dich "Chi phí hành chính và chi phí tuân thủ thuế" [4], Sandford nhà kinh tế chính trị học Anh quốc và các cộng sự đã phân định rõ ràng giữa chi phí hành chính (Administrative costs) - chi phí do nhà nước bỏ ra để thực thi luật) và Chi phí tuân thủ (Compliance costs) - chi phí do người dân, doanh nghiệp phải gánh chịu để làm đúng luật. Trong luật học hiện đại, khái niệm chi phí TTPL dần được mở rộng và sử dụng như một tiêu chí đánh giá chất lượng quy định pháp luật (Regulatory quality), đặc biệt là các quy định có tác động đến hoạt động kinh doanh, gọi tắt là "chất lượng điều tiết kinh doanh".

Ngoài thuế, từ thập niên 1970, các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ và các thành viên OECD, bắt đầu quan tâm mạnh hơn đến chi phí của việc tuân thủ quy định pháp luật. Một báo cáo của Cơ quan kiểm toán, đánh giá và giám sát độc lập của Quốc hội Hoa Kỳ (U.S. Government Accountability Office - GAO) về chi phí và lợi ích của điều tiết pháp luật đã đề cập đến chi phí tuân thủ như chi phí giấy tờ hành chính, thiết bị, và các chi phí khác mà các quy định áp đặt lên khu vực tư nhân [5]. OECD cũng cho biết các nước OECD đầu tiên áp dụng đánh giá tác động pháp luật (Regulatory Impact Analysis - RIA) từ năm 1974 để cải thiện chất lượng quy định [6]. Sang thế kỷ 21, trong các báo cáo, khuyến nghị về cải thiện quản trị kinh tế công và tác động đến khu vực tư, OECD đã sử dụng thường xuyên hơn thuật ngữ "Regulatory compliance costs" (tạm dịch là chi phí tuân thủ các quy định) thay cho chi phí TTPL (legal compliance cost) để nhấn mạnh rằng chi phí không chỉ đến từ việc tuân thủ các quy định của pháp luật mà còn đến từ các bộ tiêu chuẩn kỹ thuật (Technical standards) các hướng dẫn, quy trình của các tổ chức quốc tế (ISO, IEC,…). Nói cách khác, theo đánh giá của OECD, chi phí TTPL chỉ là một cấu thành trong số các chi phí mà doanh nghiệp phải gánh chịu [7].

Trong giới hạn phạm vi nghiên cứu, bài viết này sẽ chỉ tập trung vào phân tích, đánh giá những khía cạnh pháp lý và thực tiễn của chi phí phát sinh từ việc tuân thủ các quy định của pháp luật của thuật ngữ chi phí TTPL (Legal compliance costs) mà chưa mở rộng đến các chi phí tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, các hướng dẫn và quy trình được khuyến cáo theo hướng mở rộng như OECD đang đề cập.

Không chỉ giới hạn ở lĩnh vực chính sách công, việc nghiên cứu về chi phí TTPL còn được mở rộng trông nhiều khía cạnh xã hội khác. Năm 2012, trong một nghiên cứu về các hành vi xã hội và quyền con người, Ryan Goodman và các cộng sự đã khẳng định rằng ban hành quy định pháp luật và tuân thủ pháp luật là mối quan hệ hai

chiều giữa nhà nước và doanh nghiệp. Nhà nước tạo ra một trật tự công minh bạch và công bằng phục vụ lợi ích chung của xã hội, doanh nghiệp có nghĩa vụ tuân thủ trật tự và các quy tắc do nhà nước tạo ra và hưởng lợi từ tính chính danh, tính hợp pháp trong các hoạt động kinh doanh của mình Bởi vậy, chi phí TTPL là một bộ phận không thể thiếu được trong chi phí của doanh nghiệp vì nó giúp doanh nghiệp giảm thiểu các rủi ro pháp lý, được nhà nước bảo vệ và giảm nguy cơ bị trừng phạt từ các hành vi sai trái [8].

Ở Việt Nam, thuật ngữ "chi phí TTPL" được phát triển từ thuật ngữ "chi phí tuân thủ thủ tục hành chính" trong quản trị công và gắn liền với sự tiếp thu các kinh nghiệm về quản trị công, nhận thức về chính sách công từ World Bank (WB) và OECD trong quá trình cải cách hành chính.

Trong Đề án 30 về đơn giản hóa thủ tục hành chính giai đoạn 2007- 2010 ban hành kèm theo Quyết định số 30/QĐ-TTg năm 2007, Việt Nam bắt đầu lượng hóa chi phí xã hội để tuân thủ thủ tục hành chính (TTHC). Trong Thông tư số 07/2014/TT-BTP hướng dẫn việc đánh giá tác động và rà soát, đánh giá TTHC, việc tính chi phí tuân thủ TTHC được xác định là việc lượng hóa các chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC đã ban hành hoặc dự kiến ban hành (Khoản 3 Điều 3). Trong Nghị quyết 139/NQ-CP năm 2018 ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp đã nhấn mạnh việc cắt giảm chi phí TTPL, chi phí đầu vào sản xuất kinh doanh và chi phí không chính thức khác. Nghị quyết 02/NQ-CP năm 2019 tiếp tục đưa "Chỉ số chi phí TTPL" vào nhóm mục tiêu cải thiện năng lực cạnh tranh.

Như vậy, có thể khái quát rằng: Chi phí TTPL là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp, cá nhân hoặc tổ chức phải bỏ ra để tìm hiểu, thích ứng, thực hiện và duy trì sự phù hợp với các yêu cầu pháp luật trong quá trình hoạt động.

1.2. Phân loại chi phí tuân thủ pháp luật

1.2.1. Các chi phí trực tiếp

Chi phí tuân thủ TTHC: là các chi phí của doanh nghiệp về thời gian, công sức và vật chất phát sinh do phải tìm hiểu và thực hiện các nghĩa vụ hồ sơ, báo cáo, kê khai, lưu trữ, xin phép, thông báo,…

Chi phí tuân thủ nội dung: là chi phí để thực sự đáp ứng yêu cầu nội dung của pháp luật, ví dụ thay đổi công nghệ, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn an toàn, hệ thống bảo mật, cơ sở vật chất [7].

1.2.2. Các chi phí gián tiếp

Trong chi phí TTPL, doanh nghiệp có thể phải gánh chịu những chi phí gián tiếp còn gọi là nhóm chi phí cơ hội, bao gồm: chi phí do trì hoãn và do chính sách bất định; chẳng hạn chậm đưa sản phẩm ra thị trường, tạm dừng sản xuất, tồn kho, mất cơ hội kinh doanh do chưa rõ quy định áp dụng. Đây là gánh nặng mà doanh nghiệp không thể dự đoán và gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động ổn định của doanh nghiệp [9]. Trong báo cáo Doing business 2020, WB đã chỉ ra rằng thời gian tuân thủ và các chi phí liên quan (time and cost) là một thành tố có thể đo lường của gánh nặng pháp lý đối với doanh nghiệp [10].

2.2. Chất lượng điều tiết kinh doanh và mối quan hệ với chi phí tuân thủ pháp luật

2.2.1. Khái niệm chất lượng điều tiết kinh doanh

Chất lượng điều tiết kinh doanh (Regulatory quality) là một thuật ngữ xuất hiện trong thập niên đầu của thế kỷ 21, trong bối cảnh WB nỗ lực xây dựng bộ tiêu chí về các chỉ số thước đo năng lực của chính phủ trong điều hành nền kinh tế, đặc biệt là khu vực tư.

Theo các nhà nghiên cứu của WB, chất lượng điều tiết chính là năng lực của Chính phủ trong việc xây dựng và thực thi các chính sách, quy định pháp luật hợp lý nhằm cho phép và thúc đẩy sự phát triển của khu vực tư nhân [11]. Trên cơ sở đó, trong lĩnh vực kinh doanh, có thể hiểu "chất lượng điều tiết kinh doanh" là mức độ mà nhà nước thiết kế và thực thi quy định một cách hợp lý, minh bạch, khả thi và có khả năng hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp.

OECD không đưa ra định nghĩa về về CLĐT, mà tiếp cận thông qua các nguyên tắc và bộ tiêu chí đánh giá một chính sách pháp luật tốt và khẳng định CLĐT không chỉ là "hỗ trợ khu vực tư nhân", mà còn bao gồm các tiêu chí như tính

minh bạch, có tham vấn, đánh giá tác động, mối quan hệ chi phí - lợi ích công, khả năng thực thi, rà soát đánh giá sau ban hành (Ex post review hoặc Post legislative review), trách nhiệm giải trình và hiệu quả đạt mục tiêu chính sách [12].

Trong hai ấn phẩm chủ đạo của OECD về chất lượng điều tiết kinh doanh là Đánh giá tác động của quy định [13] và Triển vọng chính sách 2021 [14], OECD đã đưa ra các tiêu chí cơ bản đã được kiểm nghiệm trên nhiều quốc gia và khu vực khác nhau để đánh giá chất lượng ĐTKD tốt, bao gồm:

1) Tính cần thiết của quy định, tính hợp lý và tương xứng về mức độ của can thiệp nhà nước với quy mô tác động và rủi ro thị trường.

2) Tính rõ ràng trong các nghĩa vụ của các chủ thể và cách thức tuân thủ.

3) Tính khả thi: thể hiện ở việc đánh giá tác động thực tế, năng lực thực hiện, chi phí đối với doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs). Thêm vào đó, cần đánh giá toàn diện tác động xã hội của quy định và sử dụng bằng chứng trong quá trình làm luật.

4) Tính ổn định và dự đoán được: thể hiện qua yêu cầu minh bạch thông tin, thông báo trước, tham vấn sớm, công bố kế hoạch quy định và hỗ trợ các bên liên quan biết trước các thay đổi pháp lý.

5) Tính minh bạch trong thực thi: gắn với tham vấn các đối tượng có liên quan, công bố kết quả tham vấn, công bố đánh giá tác động quy định (RIA), giải thích phản hồi, công bố cơ chế khiếu nại đối với quyết định điều tiết của chính phủ. Yếu tố này được coi là điều kiện tiên quyết để xã hội tăng niềm tin vào và sự tuân thủ.

6) Chất lượng dịch vụ công: chất lượng cấp phép, đăng ký, nộp hồ sơ, tra cứu, giải quyết tranh chấp,… là một thành tố không thể thiếu được phản ánh chất lượng điều tiết kinh doanh.

7) Cơ chế để kiểm tra những quy định đã ban hành từ đó đánh giá về mục tiêu đạt được, phát hiện tính lỗi thời, không hiệu quả hoặc gây chi phí quá mức.

2.2.2. Mối quan hệ giữa chi phí tuân thủ pháp luật và chất lượng điều tiết kinh doanh

Chất lượng ĐTKD và chi phí TTPL mối quan hệ hai chiều tỉ lệ thuận của quản lý nhà nước đối với nền kinh tế. Một mặt, chi phí TTPL là một chỉ báo để đánh giá chất lượng quy định; mặt khác, chất lượng quy định quyết định mức độ hợp lý, khả thi và hiệu quả của chi phí TTPL.

Một mặt, nếu quy định pháp luật tạo ra quá nhiều thủ tục, hồ sơ, thời gian chờ đợi, chi phí điều chỉnh hệ thống mà không đem lại lợi ích công tương xứng, đó là dấu hiệu của chất lượng điều tiết kinh doanh không hiệu quả.

Mặt khác, chất lượng điều tiết thấp thường làm tăng chi phí tuân thủ. Quy định mơ hồ, thay đổi nhanh, thiếu hướng dẫn, thủ tục phân tán, thực thi không thống nhất sẽ làm doanh nghiệp phải tốn thêm chi phí tìm hiểu, thuê tư vấn, đào tạo, chờ đợi, sửa hồ sơ, xin ý kiến nhiều lần, hoặc dự phòng rủi ro pháp lý. Đây chính là chi phí cơ hội và chi phí bất định. Trong một nghiên cứu về mối quan hệ giữa chi phí tuân thủ quy định và hiệu suất kinh doanh thực hiện năm 2026, các chuyên gia OECD đã chỉ ra rằng chi phí tuân thủ quy định cao và bất hợp lý làm ảnh hưởng tiêu cực đến động lực kinh doanh và năng suất của doanh nghiệp [15].

Tuy vậy, không nên cho rằng chi phí TTPL cao đồng nghĩa với chất lượng ĐTKD thấp. Một số lĩnh vực rủi ro cao như tài chính, dữ liệu cá nhân, môi trường, an toàn thực phẩm có thể đòi hỏi chi phí tuân thủ cao. Vấn đề cốt lõi để đánh giá chất lượng ĐTKD là các chi phí TTPL có hợp lý, dự đoán được, công bằng và hiệu quả hay không.

Từ đó, có thể kết luận rằng chi phí TTPL là một chỉ báo quan trọng của chất lượng ĐTKD. Quy định pháp luật có chất lượng tốt là quy định tạo ra chi phí tuân thủ cần thiết, tương xứng, dự đoán được và hợp lý so với lợi ích công mà quy định hướng tới.

3. Trường hợp Nghị định 46/2026/NĐ-CP: Từ thay đổi chính sách đến chi phí tuân thủ và chất lượng điều tiết kinh doanh

3.1. Bối cảnh ban hành và tạm ngưng áp dụng Nghị định 46/2026/NĐ-CP

Trước khi NĐ 46 được ban hành, Nghị định 15/2018/NĐ-CP (NĐ 15) quy định chi tiết thi

hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm đã vận hành gần 8 năm. NĐ 15 được đánh giá là bước chuyển mạnh mẽ từ cơ chế tiền kiểm sang hậu kiểm, cởi trói cho doanh nghiệp bằng cách cho doanh nghiệp tự công bố sản phẩm và tự chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, sau một thời gian dài thực hiện, thị trường thực phẩm ở Việt Nam đã có nhiều biến động, vượt tầm nhìn của văn bản cũ như thương mại điện tử bùng nổ làm tăng nguy cơ thiếu kiểm soát trong thị trường thực phẩm online, chuỗi cung ứng trải dài qua nhiều quốc gia khiến hoạt động xuất nhập khẩu phức tạp hơn, gây khó khăn trong việc xác định trách nhiệm sản phẩm.

Những năm gần đây các vi phạm an toàn thực phẩm ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp. Thực phẩm "bẩn", không có nguồn gốc được kinh doanh tràn lan. Trong hai năm 2024 và 2025 có hàng nghìn vụ ngộ độc thực phẩm tập thể xảy ra từ thức ăn đường phố, tại bếp ăn nhà máy, trường học; mỗi năm hảng ngàn người nhập viện trong đó có hàng chục người tử vong [16, 17],… Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm bị buông lỏng. Đỉnh điểm của sai phạm này là nhiều lãnh đạo của Cục an toàn thực phẩm, Bộ Y tế bị truy cứu trách nhiệm hình sự vì nhận hối lộ để cấp khoảng hơn 10.000 Giấy tiếp nhận đăng ký hồ sơ công bố sản phẩm cho những loại thực phẩm và thực phẩm chức năng không đủ tiêu chuẩn lưu hành trên thị trường, gây tổn hại về sức khỏe và kinh tế cho người tiêu dùng [18].

Tất cả các yêu tố về trên đã tạo ra một sức ép chính sách và xã hội rất lớn, đòi hỏi phải thắt chặt quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và tăng cường kiểm soát đầu vào, thay vì hoàn toàn dựa trên cơ chế tự công bố của doanh nghiệp như trước.

Từ góc độ bảo vệ lợi ích công và lợi ích người tiêu dùng, việc Chính phủ muốn tăng cường quản lý an toàn thực phẩm là đúng đắn và có cơ sở. Mục đích của NĐ 46 hướng tới việc siết chặt hơn một số khâu như đăng ký công bố hợp quy, kiểm tra an toàn thực phẩm nhập khẩu, minh bạch thông tin ghi nhãn, quảng cáo, trách nhiệm của sàn thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và kết nối dữ liệu. Đây đều là những yếu tố có liên quan trực tiếp đến quyền được thông tin và quyền được bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng.

NĐ 46 được Chính phủ ban hành ngày 26/01/2026, có hiệu lực cùng ngày, với trích yếu là "quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm". Song chỉ sau 10 ngày ban hành và áp dụng, ngày 04/02/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 09/2026/NQ-CP về việc tạm ngưng hiệu lực và điều chỉnh thời hạn áp dụng NĐ 46 và những văn bản có liên quan đến ngày 15/4/2026. Không đợi đến hạn, ngày 06/04/2026 Chính phủ lại tiếp tục ban hành Nghị quyết 15/2026/NQ-CP tiếp tục tạm ngừng áp dụng NĐ 46 đến khi Luật An toàn thực phẩm được sửa đổi xong.

Rõ ràng rằng những thay đổi liên tục, xảy ra trong một thời gian rất ngắn, từ hiệu lực thi hành gấp rút, thiếu thời gian chuẩn bị thực thi, tiếp đến dừng thực hiện của NĐ 46 đã khiến môi trường kinh doanh trở nên thiếu ổn định.

3.2. Những bất cập của NĐ 46/NĐ-CP/2026 nhìn từ góc độ chi phí tuân thủ và chất lượng điều tiết kinh doanh

Mặc dù mục tiêu tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của NĐ 46 là chính đáng, nhưng sự chuyển đổi đột ngột cơ chế quản lý nhà nước, cách thiết kế và tổ chức thực thi không hợp lý đã tạo ra "cú sốc tuân thủ" rất lớn cho doanh nghiệp, đồng thời cũng bộc lộ nhiều vấn đề cần cải tổ đối với chất lượng ĐTKD.

*Từ góc độ chi phí TTPL, Nghị định 46 đã tạo ra nhiều tầng chi phí trực tiếp và gián tiếp khác nhau và bất hợp lý cho doanh nghiệp.

Thứ nhất, gia tăng chi phí thủ tục hành chính và hồ sơ: Doanh nghiệp phải thực hiện thêm các thủ tục công bố, đăng ký bản công bố hợp quy, kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu, đăng ký quảng cáo, truy xuất nguồn gốc và cập nhật nhãn hàng hóa… Đây là những thủ tục hành chính tương đối phức tạp, đòi hỏi phải có hướng dẫn kỹ lưỡng từ cơ quan quản lý nhà nước và thời gian hợp lý cho doanh nghiệp chuẩn bị thực hiện. Báo cáo của VCCI cho biết NĐ 46 yêu cầu phải thực hiện nhiều lớp thủ tục khó hoặc không thực hiện được trong bối cảnh hoạt động nhập khẩu được thực hiện qua hệ thống phân phối toàn

cầu. Chẳng hạn nhiều nhóm sản phẩm, kể cả nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến, bao bì và dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, phải thực hiện thủ tục công bố trước khi lưu thông hoặc sử dụng trong sản xuất; hay yêu cầu giấy ủy quyền trực tiếp từ nhà sản xuất nước ngoài là bất khả thi [19].

Thứ hai, các chi phí gián tiếp như chi phí logistics, lưu kho, lưu bãi, bảo quản và hư hỏng hàng hóa phát sinh và gia tăng theo ngày. Mặc dù không có một thống kê chính thức về các thiệt hại này của doanh nghiệp, theo ghi nhận ban đầu của truyền thông, có những doanh nghiệp ghi nhận thiệt hại gần 100 triệu đồng mỗi ngày; có trường hợp 15 container bị kẹt trong 8 ngày, phát sinh chi phí khoảng 400 triệu đồng, tương đương lợi nhuận của cả một quý [20]. Với thực phẩm tươi sống, nguyên liệu thực phẩm hoặc hàng đông lạnh, chi phí tuân thủ không chỉ là "chi phí giấy tờ", mà còn là rủi ro giảm chất lượng, hư hỏng, mất giá trị thương mại và mất khả năng giao hàng đúng hạn.

Thứ ba là chi phí trì hoãn, chi phí cơ hội và chi phí vốn. NĐ 46 chuyển thẩm quyền kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu từ các cơ quan chuyên ngành Trung ương về cho UBND cấp tỉnh theo phân cấp ngay trong ngày 26/1/2026, trong khi các địa phương chưa được chuẩn bị về tổ chức, nhân lực, quy trình và cơ sở vật chất để tiếp nhận nhiệm vụ mới này. Do bị động, các cơ quan chuyên ngành tại địa phương như Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường đều ngừng tiếp nhận hồ sơ do chưa có hướng dẫn thực hiện, khiến hàng hóa ùn tắc kéo dài. Điều này làm chậm chu kỳ kinh doanh, gây đứt gãy dòng tiền, ảnh hưởng đến việc chi trả lương, thưởng, thanh toán hợp đồng và kế hoạch nhập hàng mới. Về phía doanh nghiệp, mặc dù cận Tết Nguyên đán 2026, nhiều doanh nghiệp không dám tiếp tục nhập hàng vì lo ngại không thể thông quan, có thể dẫn gia tăng các chi phí liên quan, mất doanh thu dự kiến và cơ hội kinh doanh [19].

Thứ tư là chi phí bất định pháp lý và chi phí quản trị rủi ro. Khi NĐ 46 có hiệu lực ngay, doanh nghiệp ở thế hoàn toàn bị động về năng lực tuân thủ khi phải đồng thời tiếp cận thông tin, diễn giải quy định và chuyển hóa quy định thành hồ sơ hành chính. Ba công đoạn phức tạp này khó có thể hoàn thành trong một vài ngày, nhất là với SMEs. Việc thiếu quy định chuyển tiếp từ NĐ 15 đến NĐ 46 khiến cả doanh nghiệp nhập khẩu, đang vận chuyển hoặc đang làm thủ tục và cơ quan thực thi lúng túng trong việc lựa chọn cơ chế áp dụng, dẫn đến việc cơ quan thực thi tạm ngừng tiếp nhận hồ sơ vì e ngại sai phạm. Hậu quả là doanh nghiệp vừa phải gánh chịu chi phí do môi trường pháp lý bất định vừa gặp rủi ro pháp lý vì không thể tuân thủ pháp luật [21]. Về dài hạn, nếu tiếp tục có những văn bản như NĐ 46, có thể làm các doanh nghiệp chuyển sang trạng thái phòng thủ, phải dành nhiều nguồn lực hơn để dự phòng rủi ro pháp lý thay vì tập trung nguồn lực vào sản xuất, kinh doanh.

*Từ góc độ chất lượng điều tiết kinh doanh, trường hợp Nghị định 46 cho thấy nhiều vấn đề cần được quan tâm hơn.

Thứ nhất là thiếu tính ổn định và khả năng dự báo. Một văn bản thay đổi cơ chế và phương thức quản lý của cả ngành hàng như NĐ 46 lại được thiết kế theo thủ tục rút gọn, có hiệu lực ngay trong ngày ký. Hiệu lực gấp rút của nghị định đã tạo ra tình trạng "điều hành giật cục" [22] làm giảm nghiêm trọng khả năng chuẩn bị của doanh nghiệp và của cơ quan thực thi.

Thứ hai là thiếu tính khả thi trong tổ chức thực thi. Việc phân cấp thẩm quyền kiểm tra cho các cơ quan chức năng và địa phương trong khi địa phương chưa chuẩn bị đầy đủ về nhân lực, quy trình, biểu mẫu và cơ sở vật chất dẫn đến việc cơ quan thực thi ngừng tiếp nhận hoặc xử lý hồ sơ không thống nhất. Điều này đặt ra câu hỏi về tính phù hợp, tính dự báo trong công tác điều hành và năng lực thực thi chính sách [23].

Thứ ba là thiếu đánh giá tác động đầy đủ. Sự cố ách tắc xảy ra trong 10 ngày ngày NĐ 46 có hiệu lực đã phản ánh khoảng trống trong đánh giá tác động chính sách, đặc biệt là chưa tính đúng năng lực đáp ứng của hệ thống kiểm soát, chi phí tuân thủ thực tế và các kịch bản rủi ro khi văn bản QPPL được áp dụng ngay [24].

Ngay sau khi NĐ 46 có hiệu lực, các hiệp hội doanh nghiệp, các doanh nghiệp và truyền thông

đã bày tỏ những kiến nghị tương đối gay gắt về sự phức tạp, thiếu tính khả thi của nhiều quy định mới và thời hạn gắt gao của việc thi hành. Phản ứng này đã đặt ra những câu hỏi về việc các cơ quan chủ trì soạn thảo có thực hiện RIA một cách nghiêm túc, có tham vấn thực chất các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp; liệu chi phí TTPL của doanh nghiệp và năng lực thực thi của các cơ quan hữu quan có được tính đến một cách cẩn trọng trong việc quyết định hiệu lực thi hành.

Thứ tư, nội dung các quy định của NĐ 46 chưa bảo đảm nguyên tắc quản lý dựa trên rủi ro. Nhiều ý kiến cho rằng nghị định đang "đồng phục hóa rủi ro" cho tất cả các doanh nghiệp và các sản phẩm, thay vì phân loại để quản lý hiệu quả và tăng cường hậu kiểm nghiêm minh và thực chất [19].

Tóm lại, Nghị định 46 là một trường hợp điển hình cho thấy chi phí TTPL không chỉ phát sinh từ nghĩa vụ pháp lý trực tiếp, mà còn từ chất lượng thiết kế và tổ chức thực thi quy định không phù hợp. Khi một quy định có mục tiêu đúng nhưng thiếu thời gian và quy định chuyển tiếp, thiếu tham vấn đầy đủ, thiếu đánh giá tác động, thiếu năng lực thực thi, chi phí TTPL sẽ trở thành gánh nặng cho doanh nghiệp và làm giảm chất lượng môi trường kinh doanh.

4. Những vấn đề cần lưu ý về chi phí tuân thủ pháp luật ở Việt Nam

Đối chiếu các tiêu chí của WB và OECD về chất lượng ĐTKD tốt với trường hợp NĐ 46, có thể thấy rằng cần có những lưu ý nghiêm túc trong việc thiết kế và thi hành chính sách pháp luật kinh doanh ở Việt Nam, đó là:

4.1. Chi phí tuân thủ là một bộ phận của chi phí kinh doanh

Khi nói đến chi phí kinh doanh ở Việt Nam, chúng ta thường tập trung chú ý đến vốn, lao động, đất đai, thuế, logistics, năng lượng và không đặt nhiều quan tâm đến chi phí TTPL. Thực chất, chi phí TTPL là một loại chi phí kinh doanh đáng kể, tỉ lệ nghich và ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đặc biệt là các SMEs. Khi chí phí TTPL càng lớn thì năng lực cạnh tranh càng hạn chế bởi lẽ doanh nghiệp phải dùng nguồn lực tài chính để phục vụ việc tuân thủ, thay vì đầu tư vào sản xuất kinh doanh [25].

4.2. Chi phí tuân thủ cao có thể làm giảm động lực tuân thủ

Nếu các quy định pháp luật quá phức tạp, thay đổi nhanh, khó hiểu hoặc thiếu nhất quán như trường hợp NĐ 46, nhiều doanh nghiệp có xu hướng trì hoãn, đối phó. Khi đó, pháp luật không đạt được mục tiêu quản lý mà còn tạo thêm rủi ro thực thi. Chẳng hạn, trong những ngày NĐ 46 còn hiệu lực, nhiều doanh nghiệp đã ngần ngại không muốn xuất, nhập khẩu thêm hàng hóa. Ở chiều ngược lại, các cơ quan chuyên môn không tiếp nhận hồ sơ để giải quyết thông quan vì lý do không có hướng dẫn cụ thể, dễ sai phạm khi thực thi [26].

4.3. Chi phí tuân thủ bất hợp lý làm suy giảm chất lượng môi trường kinh doanh

Một môi trường kinh doanh tốt không chỉ là môi trường có ít thủ tục và giấy phép, mà trong đó quy định pháp luật rõ ràng, ổn định, có thể dự báo, thực thi nhất quán và có cơ chế phản hồi hiệu quả. Rõ ràng rằng những quy định đột ngột, bất ổn định, tùy tiện trong thực thi sẽ phá vỡ tính dự báo của pháp luật [27], gây lãng phí nguồn lực của doanh nghiệp và có thể làm phát sinh các tiêu cực như kinh tế ngầm hay tham nhũng. Chẳng hạn, để tránh chi phí TTPL, sẽ có những doanh nghiệp chuyển sang hoạt động phi chính thức hoặc tìm cách hối lộ cán bộ thực thi để nhận được những xác nhận đã tuân thủ [28]. Thêm vào đó, chi phí TTPL cao không chỉ đẩy SMEs trong nước vào thế bất lợi, giảm năng lực cạnh tranh mà còn có thể làm cho các doanh nghiệp FDI lo ngại, tìm cách chuyển dịch đầu tư khỏi Việt Nam [29]. Chi phí TTPL bất hợp lý là lực cản lớn nhất, trực tiếp làm suy giảm nghiêm trọng chất lượng môi trường kinh doanh và xói mòn niềm tin của doanh nghiệp.

4.4. Giảm chi phí tuân thủ phải đi kèm với cải cách chất lượng điều tiết kinh doanh

Việc cải cách thủ tục hành chính như cắt giảm số lượng biểu mẫu, loại bỏ giấy phép con hoặc rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ là rất cần thiết để giảm chi phí TTPL, nhưng vẫn chưa đủ. Gốc rễ của vấn đề nằm ở chất lượng thiết kế và thực thi các quy định pháp luật. Quy định pháp luật ĐTKD phải trả lời thấu đáo các câu hỏi về tính cần thiết, tính khả thi của việc ban hành quy định, mức độ điều chỉnh của nhà nước, các chi phí phát sinh và chủ thể gánh chịu chi phí. Quan trọng nhất là xác định lợi ích công có tương xứng với các chi phí bỏ ra [30].

5. Kiến nghị cải thiện chi phí tuân thủ pháp luật và chất lượng điều tiết kinh doanh

5.1. Thiết lập cơ chế đánh giá chi phí tuân thủ nghiêm túc và bắt buộc trong quá trình xây dựng văn bản

Nghị định là một công cụ pháp lý đặc biệt quan trọng trong công tác điều hành của chính phủ. Nếu luật mang tính định hướng vĩ mô, thì nghị định chính là "cuốn cẩm nang hướng dẫn" giúp bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương vận hành đồng bộ. Mặc dù trong Khoản 1, Điều 27 của Nghị định số78/2025/NĐ-CP (NĐ 78) về hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL đã có quy định về trách nhiệm đánh giá tác động xã hội (RIA), tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị định, song trường hợp NĐ 46 cho thấy các quy định này cần được cụ thể hóa về quy trình và đối tượng tham vấn để tránh việc đánh giá tác động một cách hình thức, chiếu lệ; chẳng hạn chỉ đăng tải dự thảo, lấy ý kiến trên website của bộ, ngành để ai biết và quan tâm thì vào xem; không công khai, không tổng kết kết quả đánh giá, lấy ý kiến.

Vì vậy, mỗi dự thảo văn bản QPPL có tác động trực tiếp đến doanh nghiệp phải có đánh giá riêng và bắt buộc về diện và số lượng doanh nghiệp chịu tác động và ước tính các chi phí TTPL mà doanh nghiệp phải gánh chịu để làm cơ sở cho các điều chỉnh pháp lý.

5.2. Bảo đảm thời gian chuyển tiếp hợp lý giữa các văn bản quy phạm pháp luật

Đối với quy định làm thay đổi điều kiện kinh doanh, hồ sơ sản phẩm, tiêu chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa hoặc quy trình kiểm nghiệm, cần có thời gian chuyển tiếp đủ dài để doanh nghiệp thích nghi với việc tuân thủ, hạn chế thiệt hại do bị động. Điều này cũng làm cho các cơ quan chức năng có đủ thời gian để chuẩn bị và phối hợp, thực hiện công tác quản lý nhà nước. Có một nguyên tắc cơ bản đã được OECD tổng kết trong các báo cáo tư vấn quản trị công cho các chính phủ rằng quy định càng phức tạp, chi phí chuyển đổi càng lớn, thời gian chuyển tiếp càng phải kéo dài tương ứng [31].

5.3. Tăng cường tham vấn thực chất với doanh nghiệp và hiệp hội ngành hàng

Những ý kiến phản hồi tương đối gay gắt đối với sự phức tạp, thiếu tính khả thi của những quy định mới và thời hạn thi hành gắt gao của việc thi hành NĐ 46 đã đặt ra những câu hỏi nghiêm túc về việc các cơ quan soạn thảo có tham vấn một cách thực chất các doanh nghiệp bị ảnh hưởng và các hiệp hội doanh nghiệp, đại điện ngành hàng trong quá trình xây dung và ban hành; liệu chi phí TTPL của doanh nghiệp và năng lực thực thi của các cơ quan hữu quan có được đánh giá một cách cẩn trọng và nghiêm túc. Bởi vậy, cần có những quy định cụ thể về cơ chế đối thoại thực chất với nhóm chịu tác động trực tiếp, đặc biệt là SMEs, hiệp hội ngành hàng, chuyên gia pháp lý, chuyên gia kỹ thuật và cơ quan thực thi địa phương.

5.4. Áp dụng nguyên tắc điều tiết dựa trên rủi ro

Trong các lĩnh vực quản lý nhà nước nói chung và lĩnh vực an toàn thực phẩm nói riêng, không nên quản lý mọi doanh nghiệp, mọi sản phẩm, mọi tình huống bằng cùng một mức độ thủ tục như nhau. Cần phân loại doanh nghiệp và sản phẩm để áp dụng cơ chế quản lý phù hợp. Chẳng

hạn trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, theo VCCI, các sản phẩm có mức độ rủi ro cao như thực phẩm chức năng, hỗ trợ điều trị, sản phẩm sữa công thức, thức ăn dinh dưỡng cho người bệnh, trẻ em, thực phẩm tươi sống, dễ nhiễm khuẩn,… có thể tiền kiểm và cần vạch ra lộ trình thích hợp để thực hiện chuyển đổi từ cơ chế cũ. Đối với sản phẩm có rủi ro thấp như nguyên liệu để sản xuất nội bộ, bao gói, nhãn mác…đã tuân theo quy chuẩn được cấp phép của nhà sản xuất có thể hậu kiểm. Đối với các doanh nghiệp có có lịch sử tuân thủ tốt, có chứng nhận quốc tế như HACCP, ISO 22000, FSSC 22000, BRC, IFS nên công nhận tương đương và áp dụng hậu kiểm. Làm như vậy mới giúp giảm áp lực quản lý nhà nước và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi [19].

5.5. Tăng trách nhiệm giải trình của cơ quan ban hành văn bản

Mặc dù khi NĐ 46 gặp nhiều vướng mắc Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương và các cơ quan hữu quan đã khẩn trương vào cuộc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và ra quyết định tạm ngừng áp dụng [32], song đó chỉ là những giải pháp tình thế, để hạn chế những "sự cố" tương tự, pháp luật cần có những quy định tăng trách nhiệm giải trình trước khi VBQPPL được ban hành và khi gặp nhiều bất cập về thực thi.

Luật ban hành VBQPPL 2025 cũng đã quy định về giám sát, kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (Điều 63). Trong Luật cũng có các quy định yêu cầu trách nhiệm giải trình của cơ quan ban hành văn bản bao gồm đánh giá tác động chính sách, lấy ý kiến, tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý, thẩm định dự thảo, công khai văn bản, hướng dẫn tổ chức thi hành, kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, các cơ chế này vẫn chủ yếu tập trung vào tính hợp pháp, trình tự thủ tục và xử lý văn bản trái pháp luật. Đối với các văn bản tuy không trái luật như trường hợp NĐ 46, nhưng gây chi phí TTPL lớn, thiếu khả thi, tạo rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp, pháp luật Việt Nam chưa có một cơ chế trách nhiệm giải trình chính sách đủ mạnh.

Cần bổ sung cơ chế giải trình sau ban hành đối với văn bản có tác động lớn đến kinh tế - xã hội, trong đó cơ quan ban hành phải công khai báo cáo đánh giá về chi phí TTPL phát sinh, số lượng phản ánh/kiến nghị, tình trạng ách tắc trong thực thi, nguyên nhân chính sách, biện pháp khắc phục và trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo để tránh lặp lại những "sự cố" không mong muốn trong quản lý nhà nước.

5.6. Xây dựng cơ chế "Đánh giá sau ban hành" đối với quy định kinh doanh

OECD coi việc rà soát, đánh giá sau ban hành đối với các quy định quan trọng là một cấu phần của quản trị quy định tốt. Theo Recommendation of the Council on Regulatory Policy and Governance năm 2012, các quốc gia cần tiến hành rà soát có hệ thống đối với hệ thống quy định pháp luật quan trọng, có tính đến chi phí và lợi ích, nhằm bảo đảm quy định còn cập nhật, hợp lý về chi phí, hiệu quả về chi phí, nhất quán và đạt được mục tiêu chính sách.

Luật Ban hành VBQPPL và Nghị định 79/2025/NĐ-CP đã tạo cơ sở pháp lý cho việc rà soát thường xuyên, xử lý kết quả rà soát và sử dụng tình hình phát triển kinh tế - xã hội, số liệu thực tiễn, kết quả khảo sát làm căn cứ rà soát văn bản. Tuy nhiên, các cơ chế này vẫn chủ yếu tập trung vào rà soát tính hợp pháp, tính thống nhất và hiệu lực, thẩm quyền của hệ thống pháp luật mà không đánh giá chi phí TTPL và hiệu quả ĐTKD.

Trong bối cảnh Việt Nam đang nỗ lực cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, về tổng thể, cần bổ sung quy trình bắt buộc đánh giá VBQPPL sau ban hành mà OECD khuyến cáo, đặc biệt là các đối với những quy định có ảnh hưởng sâu rộng đến hoạt động kinh tế để có những căn cứ xác đáng cải thiện chi phí TTPL và chất lượng ĐTKD.

Trường hợp NĐ 46, yêu cầu cấp thiết không chỉ là tạm dừng hay sửa đổi một số điều khoản, mà là thực hiện một cuộc đánh giá sau ban hành có hệ thống và thực chất để biến "cú sốc tuân thủ" thành bài học cải thiện chất lượng ĐTKD ở Việt Nam.

6. Kết luận

Trường hợp Nghị định 46 không nên chỉ được nhìn nhận như một sự cố kỹ thuật trong quá trình áp dụng pháp luật về an toàn thực phẩm. Có thể coi đây là một "sự cố pháp lý" gợi mở vấn đề rộng hơn về chất lượng ĐTKD ở Việt Nam. Khi quy định pháp luật thiếu tính dự báo, có hiệu lực quá nhanh, phải tạm ngưng hoặc điều chỉnh trong thời gian ngắn, doanh nghiệp phải gánh chịu chi phí TTPL không chỉ bằng tiền, mà còn bằng thời gian, cơ hội kinh doanh, chi phí quản trị rủi ro và giảm niềm tin vào sự ổn định của môi trường kinh doanh.

Tuy nhiên, giảm chi phí TTPL không có nghĩa là buông lỏng quản lý nhà nước, mà là nâng cao chất lượng điều tiết để pháp luật vừa bảo vệ lợi ích công cộng, vừa tạo môi trường kinh doanh ổn định, minh bạch và có thể dự báo cho doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo

[1] P. T. T. Trà, Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, Tạp chí Cộng sản Online tại https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story (accessed on: May 10th, 2025).

[2] OECD, G20/OECD Principles of Corporate Governance https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2023/09/g20-oecd-principles-of-corporate-governance-2023_60836fcb/ed750b30-en.pdf, (accessed on: June 22nd, 2025)

[3] R. M. Haig, The cost to Business Concerns of Compliance with Tax Laws, Management Review, 24 (11), 1935, pp. 323-333.

[4] C. T. Sandford, at el.. Administrative and Compliance Costs of Taxation, Fiscal Publications, 1989, pp. 33-40

[5] GAO, Cost and Benefit of Government Regulation at https://www.gao.gov/assets/107970.pdf (accessed on: April 20th, 2026).

[6] OECD, Regulatory Impact Analysis A Tool For Policy Coherence, 2009, https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2009/09/regulatory-impact-analysis_g1ghb202/9789264067110-en.pdf (accessed on: April 30th, 2026)

[7] OECD, Regulatory Compliance Cost Assessment Guidance, OECD, 2014, Publishing.http://dx.doi.org/10.1787/9789264209657-en (accessed on: April 8th, 2026); pp. 17-20.

[8] Chapter 4: The Reason for Compliance with Law trong sách Ryan Goodman (ed.) et al (2012), Book cover for Understanding Social Action, Promoting Human Rights: Understanding Social Action, Promoting Human Rights, Oxford University Press; pp.70-75.

[9] J. Cordes, et al (2022), Regulatorycompliance Burdens Literature Review & Synthesis, October 2022;,The George Washington University Regulatory Studies Center, October 2022; pp.7-9. 2022.

[10] WB Group, Doing Business 2020: Comparing Business Regulation in 190 Economies, pp. 5-10.

[11] D. Kaufmann, et al., The Worldwide Governance Indicators: Methodology and Analytical Issues, World Bank Policy Research Working Paper No. 5430, 2010, p. 4.

[12] OECD, Guiding Principles for Regulatory Quality and Performance, 2008, https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2008/10/oecd-guiding-principles-for-regulatory-quality-and-performance_g1gh9eb3/9789264056381-en.pdf., 2008 (accessed on: June 5th, 2025).

[13] OECD, Regulatory Impact Assessment, OECD Best Practice Principles for Regulatory Policy, OECD Publishing, Paris, 2020.

[14] OECD, OECD Regulatory Policy Outlook 2021, OECD Publishing, Paris, 2021. https://doi.org/10.1787/38b0fdb1-en. (accessed on: March 30th, 2026).

[15] Andrews Dan, at el., Regulatory compliance costs and productivity: New task-based evidence, OECD Economics Department Working Papers, No. 1856, OECD Publishing, Paris, https://doi.org/10.1787/1c1da52e-en pp.7-10 (accessed on: June 20th, 2026).

[16] Thái Bình, Gần 4.800 người bị ngộ độc thực phẩm, 21 ca tử vong trong 11 tháng của năm 2024, https://suckhoedoisong.vn/gan-4800-nguoi-bi-ngo-doc-thuc-pham-21-ca-tu-vong-trong-11-thang-cua-nam-2024-169241224105436992.htm (accessed on: May 7th, 2026).

[17] P. Hà, Hàng loạt vụ ngộ độc thực phẩm năm 2025: Từ bánh mì đường phố đến bữa ăn tập thể https://vov.vn/xa-hoi/hang-loat-vu-ngo-doc-thuc-pham-nam-2025-tu-banh-mi-duong-pho-den-bua-an-tap-the-post1254798.vov. (accessed on: March 7th, 2026).

[18] Thanh Hiếu, Bê bối tham nhũng tại Cục ATTP Bộ Y tế: Sức khỏe cộng đồng bị đem đánh đổi vì lợi

ích cá nhân, https://tienphong.vn/be-boi-tham-nhung-tai-cuc-attp-bo-y-te-suc-khoe-cong-dong-bi-dem-danh-doi-vi-loi-ich-ca-nhan-post1760312.tpo (accessed on: March 3rd, 2026).

[19] VCCI (2026), Tổng hợp vướng mắc khi triển khai Nghị định 46/2026/NĐ-CP và Nghị quyết 66.13/NQ-CP về quản lý an toàn thực phẩm, https://vibonline.com.vn/bao_cao/tong-hop-kho-khan-vuong-mac-trong-trien-khai-nghi-dinh-46-2026-nd-cp-va-nghi-quyet-66-13-2026-nq-cp-cua-chinh-phu-ve-quan-ly-toan-thuc-pham (accessed on: July 15th, 2025).

[20] Lưu Minh Sang (2026), Nghị định có hiệu lực ngay trong ngày ký và ùn tắc cửa khẩu tại, https://thesaigontimes.vn/nghi-dinh-co-hieu-luc-ngay-trong-ngay-ky-va-un-tac-cua-khau/ (accessed on: May 5th, 2026).

[21] VCCI, Doanh nghiệp kiến nghị tạm ngưng hiệu lực Nghị định 46, đợi ban hành Luật An toàn thực phẩm, https://vcci.com.vn/news/doanh-nghiep-kien-nghi-tam-ngung-hieu-luc-nghi-dinh-46-doi-ban-hanh-luat-an-toan-thuc-pham (accessed on: March 9th, 2026)

[22] Trần Thường, Tạm dừng áp dụng Nghị định số 46 về an toàn thực phẩm https://vietnamnet.vn/tam-dung-ap-dung-nghi-dinh-so-46-ve-an-toan-thuc-pham-den-het-ngay-15-4-2488177.html (Accessed on: February 2nd, 2026).

[23] Huyền Trang, Từ ách tắc Nghị định 46: Thêm 1 phép thử năng lực thực thi chính sách, https://vietnamfinance.vn/tu-ach-tac-nghi-dinh-46-them-1-phep-thu-nang-luc-thuc-thi-chinh-sach-d139709.html (accessed on: February 7th, 2026).

[24] Trần Thường, Đề nghị Chính phủ đánh giá tác động của việc ban hành Nghị định 46, https://vietnamnet.vn/de-nghi-chinh-phu-danh-gia-tac-dong-cua-viec-ban-hanh-nghi-dinh-46-2487627.html (accessed on: February 3rd, 2026).

[25] VCCI, Báo cáo Nghiên cứu giải pháp cắt giảm gánh nặng chi phí TTPL cho doanh nghiệp, 2021, https://vibonline.com.vn/18787.html (accessed on: May 7th, 2024).

[26] Kỳ Thư, Năm ngày sau Nghị định 46: Bế tắc vì 'hàng đi không được, hàng về không xong, https://vietnamfinance.vn/nam-ngay-sau-nghi-dinh-46-be-tac-vi-hang-di-khong-duoc-hang-ve-khong-xong-d139642.html (accessed on: February 7th, 2026).

[27] Nguyễn Giang, Chi phí tuân thủ và câu chuyện làm đúng luật, https://diendandoanhnghiep.vn/chi-phi-tuan-thu-va-cau-chuyen-lam-dung-luat-10171615.html (accessed on: April 26th, 2026).

[28] Nguyễn Đức Minh .(2026), Tháo gỡ "điểm nghẽn" chi phí tuân thủ pháp luật: Đòn bẩy đưa kinh tế tư nhân bứt phá trong kỷ nguyên mới, https://www.quanlynhanuoc.vn/2026/05/08/thao-go-diem-nghen-chi-phi-tuan-thu-phap-luat-don-bay-dua-kinh-te-tu-nhan-but-pha-trong-ky-nguyen-moi/ (accessed on: May 8th, 2026).

[29] Lý Tuấn, Giữ chân doanh nghiệp FDI - Bài 1: Chi phí gia tăng, thu hẹp sản xuất, https://nhadautu.vn/giu-chan-doanh-nghiep-fdi--bai-1-chi-phi-gia-tang-thu-hep-san-xuat-d57563.html (accessed on: February 6th, 2025).

[30] OECD, Guiding Principles For Regulatory Quality and Performance, 2011, https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2011/10/oecd-guiding-principles-for-regulatory-quality-and-performance_g1gh9eb3/9789264056381-en.pdf (Accessed February 6th, 2026); pp. 2-6.

[31] OECD, Public Management Occasional Papers: Improving the Quality of Laws and Regulations, 1993. https://one.oecd.org/document/OCDE/GD(93)63/en/pdf (Accessed February 6th, 2026) tr.23-26.

[32] Báo Chính Phủ, Thủ tướng chỉ đạo tháo gỡ vướng mắc trong triển khai Nghị định 46/2026/NĐ-CP về an toàn thực phẩm, https://baochinhphu.vn/thu-tuong-chi-dao-thao-go-vuong-mac-trong-trien-khai-nghi-dinh-46-2026-nd-cp-ve-an-toan-thuc-pham-102260204002624921.htm (accessed on: February 3rd, 2026).